

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định ban hành định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích
đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng là cơ sở để xác định và quản lý chi phí dịch
vụ công ích đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc xác định
và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn
kinh phí chi thường xuyên; các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước
ngoài đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (PPP).

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tham khảo các
quy định tại Quyết định này để xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô
thị đối với các dự án, công trình ngoài quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp dự án, công trình có các công tác chưa được quy định hoặc đã được quy định nhưng sử dụng công nghệ thi công mới, biện pháp thi công, điều kiện thi công chưa có trong hệ thống định mức xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các công tác đã quy định trong hệ thống định mức xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa phù hợp với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình thì việc xác định định mức mới, định mức điều chỉnh để áp dụng cho dự án, công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Mục I Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

Điều 3. Định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị

Kèm theo Phụ lục định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2023.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. TU; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Lâm Đồng; Đài PTTH Lâm Đồng;
- Lưu: VT, KH, XD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hiệp

Phụ lục

**ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CHO CÁC CÔNG TÁC DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số *12* /2023/QĐ-UBND ngày *08* tháng 3 năm
2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

CHƯƠNG I: THUYẾT MINH

1. Nội dung định mức

a) Định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Sau đây gọi tắt là định mức dự toán) quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công được xác định phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công cụ thể để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc.

b) Định mức dự toán được lập trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn; yêu cầu quản lý kỹ thuật, thi công, nghiệm thu; mức độ trang thiết bị máy thi công; biện pháp thi công và quy trình thi công.

c) Định mức dự toán bao gồm: Mã hiệu, tên công tác, đơn vị tính, thành phần công việc, quy định áp dụng (nếu có) và các bảng hao phí định mức; trong đó:

- Thành phần công việc quy định nội dung các bước công việc từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành công tác theo điều kiện kỹ thuật, biện pháp thi công và phạm vi thực hiện công việc.

- Bảng các hao phí gồm:

+ *Mức hao phí vật liệu*: Là số lượng vật liệu chính, vật liệu khác cần thiết cho việc thực hiện và hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị.

Mức hao phí vật liệu chính được tính bằng số lượng phù hợp với đơn vị tính của vật liệu; mức hao phí vật liệu khác được tính bằng tỷ lệ (%) trên chi phí vật liệu chính.

+ *Mức hao phí lao động*: Là số ngày công lao động của kỹ sư, công nhân trực tiếp cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác dịch vụ công ích đô thị từ khâu chuẩn bị đến khâu kết thúc, thu dọn hiện trường thi công.

Mức hao phí lao động được tính bằng số ngày công theo cấp bậc kỹ sư, công nhân. Cấp bậc kỹ sư, công nhân là cấp bậc bình quân của các kỹ sư và công nhân trực tiếp tham gia thực hiện một đơn vị khối lượng công tác.

+ *Mức hao phí máy thi công*: Là số ca sử dụng máy thi công trực tiếp thi công, máy phục vụ cần thiết (nếu có) để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác. Mức hao phí máy thi công trực tiếp thi công được tính bằng số lượng ca máy sử dụng. Mức hao phí máy phục vụ được tính bằng tỷ lệ % trên chi phí máy thi công trực tiếp thi công.

2. Kết cấu tập định mức dự toán

Định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh được kết cấu như sau:

- Chương I: Thuyết minh định mức.
- Chương II: Định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
 - + Mục 1: Duy trì, vận hành hệ thống chiếu sáng, tín hiệu đèn giao thông.
 - + Mục 2: Công tác trồng, duy trì và chăm sóc cây xanh (cây cảnh, hoa, cỏ).

3. Hướng dẫn áp dụng

- Định mức dự toán cho các công tác dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn để các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân làm cơ sở để xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Hao phí của vật liệu, công cụ lao động khác (như dao, kéo, bay, găng tay, thùng chứa, cuốc và các dụng cụ cần thiết khác) trực tiếp sử dụng cho quá trình thực hiện công việc không có trong định mức ban hành. Các hao phí này được xác định trong chi phí quản lý chung của dự toán chi phí thực hiện công tác duy trì dịch vụ công ích đô thị theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Trường hợp các công tác chưa được quy định hoặc đã được quy định nhưng sử dụng công nghệ thi công mới, biện pháp thi công, điều kiện thi công chưa có trong hệ thống định mức xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các công tác đã quy định trong hệ thống định mức xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa phù hợp với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình thì việc xác định định mức mới, định mức điều chỉnh để áp dụng cho dự án, công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Mục I Phụ lục III kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

CHƯƠNG II
ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CHO CÁC CÔNG TÁC DỊCH VỤ CÔNG
ÍCH ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
MỤC 1: DUY TRÌ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG, TÍN
HIỆU ĐÈN GIAO THÔNG.

CS.LĐ.5.1500 - Vệ sinh, bảo trì môi tiếp xúc trên lưới chiếu sáng

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị thiết bị, dụng cụ lao động.
- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông, giám sát an toàn điện.
- Chuẩn bị xe thang, công nhân lên thùng xe và được nâng lên vị trí cần xử lý điểm tiếp xúc.
- Tiến hành tháo gỡ, vệ sinh sạch sẽ.
- Đấu nối lại đảm bảo kỹ thuật điện.
- Quấn băng keo đen tại vị trí đấu nối.
- Đóng điện, vận hành kiểm tra kết quả.
- Thu dọn hiện trường thi công.
- Ghi chép vào sổ nhật ký sửa chữa.

Yêu cầu kỹ thuật: Bao bọc toàn bộ các bộ phận mang điện đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động.

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị tính | Định mức | |
|------------|--|---------------------|-------------|----------|-------|
| | | | | Độ cao | |
| | | | | < 10m | ≥ 10m |
| CS.LĐ.5.15 | Vệ sinh, bảo trì môi tiếp xúc trên lưới chiếu sáng | Vật liệu | | | |
| | | Băng keo đen | cuộn | 0,1 | 0,1 |
| | | Nhân công | | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,183 | 0,228 |
| | | Máy thi công | | | |
| | | Xe thang 12m | ca | 0,1 | 0,118 |
| | | | | 01 | 02 |

MỤC 2: TRỒNG, DUY TRÌ VÀ CHĂM SÓC CÂY XANH (CÂY CẢNH, HOA, CỎ)

CX.LĐ.02.1211 - Đào hố trồng cây bằng thủ công, kích thước hố 40x40cm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ, cuốc, xẻng, bao tay.
- Đào hố có kích thước 40x40cm.
- Xúc đất lên miệng hố.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc sau khi thi công.
- Chùi rửa, cất dụng cụ đúng nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật: Hố đào phải phù hợp với kích thước cây trồng.

Đơn vị tính: 1 hố

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------|---|---|--------|----------|
| CX.LĐ.02.1211 | Đào hố trồng cây bằng thủ công, kích thước hố 40x40cm | Nhân công Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,054 |

CX.LĐ.02.1301 - Bứng di dời cây cảnh loại lớn đường kính bầu ≥ 50 cm

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị các dụng cụ, công cụ lao động.
- Cắt tỉa một số tán, nhánh cây vươn rộng.
- Xác định đường kính gốc và đường kính bầu rễ cây đảm bảo cho cây sau khi được bứng còn sống và phát triển.
- Tiến hành khoanh vị trí để đào.
- Đào đất; cắt rễ, quấn bao bố xung quanh bầu cây để tránh làm vỡ bầu và cột chặt bằng dây nhựa.
- Dùng xe cầu bứng cây có chiều cao > 2 m, đường kính bầu ≥ 50 cm lên xe tải để chở đi nơi khác.
- Lấp đất hoàn trả mặt bằng hiện trạng.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh sạch sẽ.

Yêu cầu kỹ thuật: Cây sau khi bứng không được vỡ bầu, trầy và gãy cây.

Đơn vị tính: 1 cây

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------------|---|---------------------|--------|----------|
| CX.LĐ.02.1301 | Bứng di dời cây cảnh loại lớn đường kính bầu $\geq 50\text{cm}$ | Vật liệu | | |
| | | Bao bố | cái | 2 |
| | | Dây nhựa | kg | 0,333 |
| | | Nhân công | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,587 |
| Máy thi công | | | | |
| Xe tải cầu 2,5T | ca | 0,051 | | |

CX.LĐ.02.2201 - Trồng hoa xung quanh viền bồn hoa**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị, vận chuyển vật tư, dụng cụ lao động.
- Nhổ bỏ gốc cây xấu, xới đất, trồng dặm.
- Nhổ bỏ cỏ dại, cắt tỉa bấm ngọn, bón phân hữu cơ.
- Dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ; thu dọn dụng cụ lao động.

Yêu cầu kỹ thuật: Đảm bảo cây sau khi trồng phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: 1 mét dài

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị tính | Định mức |
|----------------|-----------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------|
| CX.LĐ.02.2201 | Trồng hoa xung quanh viền bồn hoa | Vật liệu | | |
| | | Cây trồng | bầu | 10 |
| | | Phân vi sinh | kg | 0,169 |
| | | Nước | lít | 20 |
| | | Nhân công | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,176 |

CX.LĐ.02.2301 - Trồng cây cảnh, cây cao $\leq 3m$ **Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ lao động, dao, bao tay và các dụng cụ cần thiết khác.
- Đào hố; bón phân đúng liều lượng, chủng loại; xé bầu và trồng cây có chiều cao $\leq 3m$, đường kính bầu $\leq 30cm$.
- Lấp đất, đầm chặt, tưới nước.
- Cố định cây thẳng đứng.
- Dọn dẹp mặt bằng, thu dọn dụng cụ đúng nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật: Tháo bao bó bầu không bị bể bầu; trồng thẳng cây, đầm chặt gốc; tận dụng cọc chống (tre, cành cây, thân cây) và cột dây cọc chống vào thân cây để đảm bảo sau khi tháo chống cây không bị đổ, nghiêng, gãy thân, cành.

Đơn vị tính: 1 cây

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------------|-----------------------------------|--------------------|----------------|----------|
| CX.LĐ.02.2301 | Trồng cây cảnh, cây cao $\leq 3m$ | Vật liệu | | |
| | | Cây cảnh | cây | 1,0 |
| | | Phân chuồng | kg | 4,104 |
| | | Nước | m ³ | 0,011 |
| | | Nhân công | | |
| Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,013 | | |

CX.LĐ.02.2401 - Trồng cây cảnh loại lớn đường kính bầu $\geq 50\text{cm}$ **Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ, công cụ lao động.
- Đào hố; bón phân đúng liều lượng, chủng loại; xé bầu và trồng cây có chiều cao $> 2\text{m}$, đường kính bầu $\geq 50\text{cm}$.
- Lấp đất, lèn chặt gốc cây, tưới nước.
- Thu dọn dụng cụ, vệ sinh hoàn trả mặt bằng.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Khi xé bầu, cây không bị bể bầu.
- Cây sau khi trồng phát triển xanh tốt bình thường, cây không bị nghiêng.
- Dọn dẹp mặt bằng, thu dọn dụng cụ đúng nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 cây

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------------|---|---------------------------|--------------|----------|
| CX.LĐ.02.2401 | Trồng cây cảnh loại lớn đường kính bầu $\geq 50\text{cm}$ | Vật liệu | | |
| | | Cây cảnh | cây | 1,0 |
| | | Phân hữu cơ (phân chuồng) | kg | 6,0 |
| | | Nước tưới | m^3 | 0,015 |
| | | Nhân công | | |
| Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,131 | | |

CX.LĐ.02.3100 - Duy trì cây cảnh trồng chậu**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ lao động, kéo cắt.
- Cắt, tỉa tán và nhánh cây.
- Nhỏ cỏ dại, xới tơi đất.
- Bón phân.
- Tưới nước.
- Dọn dẹp mặt bằng, thu dọn dụng cụ đúng nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật: Đảm bảo cây phát triển bình thường, lá xanh tươi, không sâu bệnh.

Đơn vị tính: 1 chậu

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị tính | Định mức | |
|-------------|-----------------------------|---------------------|-------------|-----------------|-------|
| | | | | Đường kính chậu | |
| | | | | 0,9m | 1,2m |
| CX.LĐ.02.31 | Duy trì cây cảnh trồng chậu | Vật liệu | | | |
| | | Phân vi sinh | kg | 0,316 | 0,6 |
| | | Nước | lít | 15 | 25 |
| | | Nhân công | | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,182 | 0,285 |
| | | | | 01 | 02 |

CX.LĐ.03.1401 - Vớt rác ven bờ trên mặt hồ bằng thủ công**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ lao động, vớt rác, áo phao.
- Vớt rác ven bờ dọc bờ hồ, cách bờ 2m.
- Bỏ rác, thu gom thành từng đồng trên bờ để xe chở đi nơi khác.
- Thu dọn dụng cụ cất giữ đúng nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật: Đảm bảo mặt hồ nước sạch sẽ, không còn rác trên mặt hồ.

Đơn vị tính: 1.000m²

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------|--|---|--------|----------|
| CX.LĐ.03.1401 | Vớt rác ven bờ trên mặt hồ bằng thủ công | Nhân công Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,020 |

CX.LĐ.03.3102 - Duy trì thảm cỏ công viên bằng máy, cây cỏ cao < 10cm**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ, máy cắt cỏ, đồ bảo hộ.
- Khởi động, vận hành máy, cắt cỏ đúng quy cách trong thảm cỏ công viên đến khi hoàn thành công việc.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

Yêu cầu kỹ thuật: Đảm bảo cắt nhiều hướng đầy đủ và cắt theo các dòng đối nhau.

Đơn vị tính: 100m²/lần

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------|---|---|--------|----------|
| CX.LĐ.03.3102 | Duy trì thảm cỏ công viên bằng máy, cây cỏ cao < 10cm | Nhân công Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,066 |
| | | Máy thi công Máy cắt cỏ công suất 1,6HP | ca | 0,056 |

CX.LĐ.03.3202 - Cắt cỏ dại bằng máy, cây cỏ cao $\geq 10\text{cm}$ **Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị dụng cụ, máy cắt cỏ, đồ bảo hộ.
- Khởi động, vận hành máy, cắt cỏ đúng quy cách đến khi hoàn thành công việc.
- Dọn dẹp vệ sinh nơi làm việc, thu dọn cỏ rác trong phạm vi 30m.

Yêu cầu kỹ thuật: Đảm bảo cắt nhiều hướng không bị sót và cắt theo các dòng đối nhau.

Đơn vị tính: 100m²/lần

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------|--|----------------------------|--------|----------|
| CX.LĐ.03.3202 | Cắt cỏ dại bằng máy, cây cỏ cao $\geq 10\text{cm}$ | Nhân công | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 0,092 |
| | | Máy thi công | | |
| | | Máy cắt cỏ công suất 1,6HP | ca | 0,080 |

CX.LĐ.03.3300 - Tưới nước thảm cỏ công viên bằng xe tưới**Thành phần công việc:**

- Điều khiển xe tưới đến vị trí làm việc.
- Công nhân mở máy, cầm vòi tưới nước thảm cỏ để đảm bảo đủ lượng nước thì ngừng tưới.
- Di chuyển xe tưới đến vị trí tiếp theo, tiếp tục thực hiện công việc đến khi hoàn thành ca.
- Đưa xe về bãi đậu xe theo quy định.

Yêu cầu kỹ thuật:

- Đảm bảo lượng nước tưới đủ, đều cho toàn bộ diện tích tưới.
- Lượng nước tưới: 7 lít/m² đối với cỏ thuần chủng và 9 lít/m² đối với cỏ không thuần chủng; số lần tưới là 195 lần/năm.

Đơn vị tính: 100m²/lần.

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức | |
|-------------|--|---------------------|--------|------------------------|------------------------|
| | | | | Xe bồn 5m ³ | Xe bồn 8m ³ |
| CX.LĐ.03.33 | Tưới nước thảm cỏ công viên bằng xe tưới | Nhân công | công | 0,024 | 0,020 |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | | | |
| | | Máy thi công | ca | 0,024 | 0,020 |
| | | Xe bồn tưới nước | | | |
| | | | | 01 | 02 |

CX.LĐ.04.4101 - Trang trí tháp hoa hình nón, chiều cao tháp <2m**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị chậu hoa, dụng cụ lao động, găng tay cao su.
- Chậu hoa có đường kính 20cm; các loại hoa: hoa mười giờ, hoa cúc, hoa vạn thọ.
- Xếp chậu hoa lên tháp cho đến khi đầy tháp.
- Tưới nước.
- Dọn dẹp sạch sẽ, thu dọn dụng cụ lao động đúng nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật: Vận chuyển, xếp hoa lên tháp không làm gãy cây, vỡ chậu cây.

Đơn vị tính: 01 tháp

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------|--|---------------------|----------------|----------|
| CX.LĐ.04.4101 | Trang trí tháp hoa hình nón, chiều cao tháp < 2m | Vật liệu | | |
| | | Chậu hoa | chậu | 1.300 |
| | | Nước tưới | m ³ | 0,070 |
| | | Nhân công | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 2 |

CX.LĐ.04.4102 - Trang trí tháp hoa cây thông, chiều cao tháp \geq 5m**Thành phần công việc:**

- Chuẩn bị chậu hoa, dụng cụ lao động, găng tay cao su.
- Chậu hoa có đường kính 20cm; các loại hoa: hoa mười giờ, hoa cúc, hoa vạn thọ.
- Xếp chậu hoa lên tháp cho đến khi đầy tháp.
- Tưới nước.
- Dọn dẹp sạch sẽ, thu dọn dụng cụ lao động đúng nơi quy định.

Yêu cầu kỹ thuật: Vận chuyển, xếp hoa lên tháp không làm gãy cây, vỡ chậu cây.

Đơn vị tính: 01 tháp

| Mã hiệu | Loại công tác | Thành phần hao phí | Đơn vị | Định mức |
|---------------|--|---------------------|----------------|----------|
| CX.LĐ.04.4102 | Trang trí tháp hoa cây thông, chiều cao tháp \geq 5m | Vật liệu | | |
| | | Chậu hoa | chậu | 1.200 |
| | | Nước tưới | m ³ | 0,093 |
| | | Nhân công | | |
| | | Nhân công bậc 3,0/7 | công | 3,132 |